

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 09/2023/TLST-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V (Viết tắt là V1);

Địa chỉ: [HYPERLINK \I "link"\o "Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội"](#) Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT V1;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị Thanh H – Giám đốc Trung tâm xử lý nợ V1;

Người đại diện tham gia tố tụng: Bà Lê Thị H1 – Chuyên viên xử lý nợ V1;

(Theo văn bản ủy quyền số 6358/2023/UQ-RCC-XLN PUN KHCN MB ngày 09/02/2023).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn K – sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của ông K: Bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1971;

Địa chỉ: TDP T, phường T, thành phố S, Thanh Hóa.

(Theo giấy ủy quyền ngày 03/4/2023)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 12/5/2023, ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Đ còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ theo các Hợp đồng cho vay số: LN2012123142158 ngày 17/12/2020 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 21/12/2021; LN2012213180207 ngày 25/12/2020; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 28/11/2017; Hợp đồng cho vay áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên kênh V1 online số LD1934600225 ngày 12/12/2019; Hợp đồng mở thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị vay vốn có TSBĐ kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 10/12/2020 là: 702.512.805đ (Bảy trăm linh hai triệu, năm trăm mười hai nghìn, tám trăm linh năm đồng). Gồm: 624.172.689 đồng tiền nợ gốc; 78.340.116 đồng tiền nợ lãi.

Ông K, bà Đ thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho V1 theo lộ trình như sau:

- Đợt 1: Chậm nhất đến ngày 31/5/2023 thanh toán 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);

- Đợt 2: Chậm nhất đến ngày 30/6/2023 thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn lại: 652.512.805đ Su trăm năm mươi hai triệu năm trăm mười hai nghìn tám trăm linh năm đồng). Trong đó, 574.172.689đ nợ gốc và 78.340.116đ nợ lãi.

Ông K, bà Đ tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo các Hợp đồng cho vay số: LN20123142158 ngày 17/12/2020 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 21/12/2021; LN2012213180207 ngày 25/12/2020; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 28/11/2017; Hợp đồng cho vay áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên kênh V1 online số LD1934600225 ngày 12/12/2019; Hợp đồng mở thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị vay vốn có TSBĐ kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 10/12/2020 tương ứng với số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 13/5/2023 cho đến khi thanh toán hết tiền nợ gốc.

Trường hợp ông K, bà Đ vi phạm bất kỳ đợt trả nợ nào theo thỏa thuận cam kết trả nợ trên thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 018403 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 15/7/2016 mang tên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Đ tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 44. Địa chỉ: TDP T, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 11408620/HĐTC ký ngày 11/01/2017 và phụ lục

kèm theo.

* Về án phí: Ông K, bà Đ phải chịu tiền án phí KDTM sơ thẩm là: 16.050.000đ (Mười sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) (làm tròn số).

Ngân hàng TMCP V được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí: 15.725.000 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0013559 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát TP Sầm Sơn;
- THA TP Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng